

phá rừng trái phép. Mọi trường hợp khai hoang rừng để thi công đường phải bảo đảm đúng các quy định của Nhà nước. Tổ chức cấm mốc chỉ giới và hành lang đường, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các biện pháp bảo vệ rừng và trồng cây xanh trên hành lang đường.

Các Bộ, ngành có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải tổ chức lực lượng chống chặt phá rừng và chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ, ngành mình thực hiện tốt Chỉ thị này. /.

KT. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1546/QĐ-TTg ngày 05/12/2001 về việc đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 6 đoạn Hòa Bình - Sơn La.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (các văn bản số 298/BGTVT-KHĐT ngày 06 tháng 2 năm 2001, số 1367/BGTVT-KHĐT ngày 09 tháng 5 năm 2001, số 2861/BGTVT-KHĐT ngày 28 tháng 8 năm 2001 và số 3094/BGTVT-KHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2001), ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (các văn bản số 3948/BKH-VPTĐ ngày 14 tháng 6 năm 2001 và số 6933/BKH-VPTĐ ngày 15 tháng 10 năm 2001),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 6 đoạn Hòa Bình - Sơn La với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi dự án:

- Tuyến dự án đi qua địa phận các tỉnh Hòa Bình và Sơn La, có tổng chiều dài 251 km, điểm đầu tại Km 70 (thị xã Hòa Bình), điểm cuối tại Km 321 (thị xã Sơn La).

- Hướng tuyến: Về cơ bản, tuyến dự án triển khai trên cơ sở tuyến quốc lộ 6 hiện tại.

- Các điểm khống chế: Thị xã Hòa Bình (Km 70), Bưng Bằng, Mường Khến, Mãn Đức, Tòng Đậu, Mộc Châu, Yên Châu, Cò Nòi, Mai Sơn, Nà Sản, thị xã Sơn La (Km 321).

- Các đoạn tuyến tránh:

+ Tuyến tránh thị xã Hòa Bình (Km 70 - Km 78): Dài 8,5 km;

+ Tuyến tránh đèo Hủa Tật (Km 168 - Km 197): Dài 25 km;

+ Tuyến tránh ngã ba Cò Nòi (Km 280 - Km 281): Dài 1 km;

+ Tuyến tránh thị xã Sơn La (Km 306 - Km 311): Dài 4 km.

2. Quy mô xây dựng và tiêu chuẩn kỹ thuật:

a) Về đường:

- Áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp III miền núi (TCVN 4054 - 85). Bố trí kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đối với một số đoạn đèo dốc thiết kế khó khăn chỉ châm chước về tiêu chuẩn bán kính đường cong bình đồ tối thiểu là 60 m và được sử dụng kết cấu mặt đường thích hợp.

b) Về cầu, cống:

- Áp dụng theo tiêu chuẩn 22TCN 18 - 79.

Tải trọng thiết kế: Phần xe cơ giới: H30 - XB 80; phân bộ hành: 300kg/m².

Tải trọng thiết kế công trình chịu động đất: Xác định theo tiêu chuẩn 22TCN 221 - 95.

- Khổ cầu: Rộng bằng khổ nền đường, mở thêm về hai bên mỗi bên 0,5 m. Đối với các đoạn tuyến nằm trên đường đô thị, khổ cầu được xác định phù hợp với yêu cầu quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các hạng mục đảm bảo giao thông:

- Đoạn Gia Phù - Xôm Lôm: Dài 75 km. Giữ nguyên bình đồ trắc dọc theo đường hiện hữu, bù phụ mặt đường, rải nhựa, thoát nước. Kinh phí đầu tư khoảng 35 tỷ đồng.

- Đoạn Cò Nồi - Gia Phù (trên tỉnh lộ 113): Dài 71 km. Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi có chôn chước, mặt thảm bê tông nhựa. Kinh phí đầu tư khoảng 131,5 tỷ đồng.

- Cầu Tạ Khoa: Chiều dài cầu khoảng 552 m, khổ cầu theo khổ đường. Kinh phí đầu tư khoảng 107,48 tỷ đồng và phân bổ đảm bảo giao thông là 25 tỷ đồng.

- Tuyến tránh Dốc Cùn: Dài 39 km. Giữ nguyên bình đồ, trắc dọc theo đường hiện hữu, bù phụ mặt đường, thoát nước, thảm bê tông nhựa. Kinh phí đầu tư khoảng 27,3 tỷ đồng.

- Đoạn Gia Phù - Mường Cơi - Thu Cúc - Cổ Tiết dài 102 km. Nâng cấp mặt đường rộng 5,5 m; mặt đường thảm bê tông nhựa. Kinh phí đầu tư khoảng 91,8 tỷ đồng.

- Về đầu tư các hạng mục trên quốc lộ 12: Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu đầu tư theo dự án riêng.

- Cho phép Bộ Giao thông vận tải căn cứ quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng xem xét, quyết định đầu tư từng hạng mục đảm bảo giao thông như các dự án thành phần của dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 6 đoạn Hòa Bình - Sơn La.

3. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

- Tổng mức đầu tư:	2.563,156 tỷ đồng.
Trong đó:	
+ Phần quốc lộ 6:	2.145,076 tỷ đồng.
+ Các hạng mục đảm bảo giao thông:	418,080 tỷ đồng.

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước từ trái phiếu và các nguồn vốn huy động khác.

4. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư : Bộ Giao thông vận tải.

- Đại diện chủ đầu tư: Do Bộ Giao thông vận tải chỉ định.

- Tổ chức đấu thầu theo quy chế hiện hành. Đối với các công trình bảo đảm giao thông phục vụ thi công quốc lộ 6, cho phép Bộ Giao thông vận tải căn cứ yêu cầu thực tế chỉ định thầu và tiến hành các thủ tục theo quy định hiện hành.

- Tiến độ thực hiện: Khởi công cuối năm 2001. Hoàn thành năm 2004.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Giao Bộ Giao thông vận tải:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh Hòa Bình và Sơn La và các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo việc đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư đảm bảo tiến độ xây dựng công trình.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh Hòa Bình và Sơn La chịu trách nhiệm thực hiện công tác giải phóng mặt bằng bảo đảm tiến độ của dự án và tạo điều kiện thuận lợi để triển khai dự án.

3. Bộ Tài chính chủ trì thống nhất với Bộ Giao thông vận tải và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phương án bố trí vốn cho dự án; đồng thời cấp tạm ứng vốn để khởi công xây dựng.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan có

liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Hòa Bình và Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ -
TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

THÔNG TƯ liên tịch số 07/2001/TTLT- BKH-TCTK ngày 01/11/2001 hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh.

Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 7; khoản 1 Điều 8 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 03/2000/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào các quy định pháp lý về ngành, nghề kinh doanh quy định tại các Luật, Pháp lệnh và Nghị định có liên quan;

Nhằm xử lý một bước những vướng mắc trong công tác đăng ký ngành, nghề kinh doanh và đáp ứng nhu cầu phát triển ngành, nghề kinh doanh trong nền kinh tế;

Liên tịch Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh như sau:

1. Ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh quy định tại Thông tư này áp dụng cho việc đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể hoạt động theo Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh (gọi tắt là doanh nghiệp).

2. Không đăng ký những ngành, nghề cấm kinh doanh quy định tại Điều 3 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh được tập hợp tại Phụ lục I Thông tư này.

3. Doanh nghiệp có thể đăng ký kinh doanh nhiều ngành, nghề nhưng phải là ngành, nghề có hoạt động kinh doanh. Nếu trong thời hạn một năm mà doanh nghiệp không kinh doanh ngành, nghề đã đăng ký thì phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để xóa ngành, nghề này trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với một doanh nghiệp cụ thể, không được ghi vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cụm từ kinh doanh tất cả các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh mà doanh nghiệp đăng ký kinh doanh không thuộc ngành, nghề cấm kinh doanh thì cơ quan đăng ký kinh doanh đối chiếu với bản Danh mục ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh ban hành tại Phụ lục II Thông tư này để đăng ký ngành, nghề theo mã số quy định vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Khi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, cơ quan